

Số: **15** /2021/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày **22** tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành mẫu hợp đồng sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Văn bản số 897/SXD-PTĐT ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc ban hành Quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công thương, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Em*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, các VP4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Cao Sơn



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

*(Kèm theo Quyết định số 15 /2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý xây dựng, bảo trì, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình chịu sự điều chỉnh của quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Công trình hạ tầng kỹ thuật nổi*" bao gồm cột, trụ, tháp, các đường dây dẫn điện trên không, các loại đường dây truyền dẫn tín hiệu, các loại đường ống đi trên mặt đất và các thiết bị kỹ thuật treo trên cột, trụ, tháp.

2. "*Công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm*" là những công trình được xây dựng dưới mặt đất bao gồm: Công trình giao thông ngầm, các công trình đường ống cấp nước, mương thoát nước, công trình đầu mối kỹ thuật ngầm và phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất, các đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm, hào và tuy nèn kỹ thuật.

3. "*Chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung*" là các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý, khai thác vận hành và sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

Mọi hoạt động liên quan đến sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật phải thực hiện theo Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 72/2012/NĐ-CP) và các quy định liên quan khác, đảm bảo theo quy hoạch, đồng bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất; tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng; bảo đảm cảnh quan và môi trường, các yêu cầu về an ninh, quốc phòng và định hướng phát triển của tỉnh.

Chương II QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 4. Yêu cầu bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Phải lựa chọn các hình thức bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với từng loại đô thị và xu hướng phát triển lâu dài của đô thị.
2. Vị trí tương đối của các hạng mục công trình khi bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải đảm bảo kết nối tương thích và đồng bộ, không ảnh hưởng lẫn nhau và đến sự an toàn trong quá trình quản lý, khai thác sử dụng của chính các công trình đó và các công trình khác có liên quan.
3. Việc đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật với nhau và với các công trình khác trong đô thị phải đảm bảo thuận tiện, an toàn, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng có liên quan.
4. Đối với các khu đô thị mới, các tuyến đường xây dựng mới, thực hiện bố trí các đường dây, cáp nổi... hạ ngầm vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.
5. Phối hợp chặt chẽ các yêu cầu về quốc phòng, an ninh; đồng thời, bảo đảm an toàn và bảo vệ công tác bí mật các công trình quốc phòng, an ninh.

Điều 5. Quy định về khảo sát, thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Công tác khảo sát phải thể hiện hiện trạng địa hình, địa chất, thủy văn và các công trình ngầm, nổi hiện có tại khu vực khảo sát và phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về khảo sát được quy định trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật cho mỗi loại công trình.

2. Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung:

a) Phải tuân theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và các quy phạm chuyên ngành đối với từng loại công trình.

b) Khi thiết kế đối với công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung trên các tuyến đường, phố, các khu dân cư, khu đô thị xây dựng mới phải thực hiện theo quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền về quản lý quy hoạch, kiến trúc.

c) Khi thiết kế công trình tuy nen, hào, cống, bể kỹ thuật thì chủ đầu tư và đơn vị thiết kế phải phối hợp, thỏa thuận với các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm cũng như các đơn vị sử dụng đường dây đi nổi để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành cũng như đáp ứng không gian ngầm cho phát triển của các công trình này trong tương lai, phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 6. Thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Công tác thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các quy định khác có liên quan.

Điều 7. Quy định về cấp phép xây dựng, cấp phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, giấy phép thi công; trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định.

2. Việc cấp giấy phép xây dựng công trình thực hiện theo các quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác có liên quan. Việc cấp giấy phép thi công các công trình nằm trên phần đất dành cho đường bộ thực hiện theo các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Các hoạt động liên quan đến đê điều phải thực hiện cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về đê điều; các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có giấy phép theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

Điều 8. Thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải gửi thông báo về ngày khởi công xây dựng đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất là 03 ngày làm việc để phối hợp kiểm tra, giám sát trong quá trình thi công.

2. Nhà thầu thi công phải có biện pháp bảo đảm an toàn cho hoạt động bình thường của các tuyến đường dây, đường cáp, đường ống, các công trình ngầm và các công trình khác cũng như bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

3. Nhà thầu thi công phải bảo đảm an toàn, chất lượng, tiến độ thi công công trình cũng như các quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình hiện hành.

4. Phải có kế hoạch và chuẩn bị sẵn sàng các phương án khắc phục các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thi công như: Gập tầng đất yếu, tầng chứa nước, khí độc, cháy nổ, sạt lở, trôi đất, bực, vỡ... nhằm bảo đảm an toàn cho người, phương tiện thi công và cho công trình.

Điều 9. Nghiệm thu, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trước khi đưa vào sử dụng

Trước khi đưa công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung vào khai thác sử dụng phải thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm tra nghiệm thu theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định khác có liên quan.

Điều 10. Lưu trữ hồ sơ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi xây dựng hoàn thành; Chủ đầu tư, chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành phải thực hiện lưu trữ hồ sơ thiết kế và hoàn công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đã tổ chức nghiệm thu và quyết toán theo các quy định của pháp luật về lưu trữ; có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép xây dựng công trình 01 bộ hồ sơ thiết kế và hoàn công công trình, cung cấp thông tin về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Yêu cầu về bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được bảo trì theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Công trình tuy nen phải thực hiện chế độ bảo trì thường xuyên và định kỳ.

3. Các công trình hào kỹ thuật, đường dây, đường ống phải thực hiện chế độ bảo trì định kỳ.

4. Khi thực hiện công tác bảo trì, phải chú ý kiểm tra nghiêm ngặt hệ thống đấu nối công trình; các thiết bị kiểm soát thông gió, chiếu sáng, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường (nếu có).

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm:

- a) Tổ chức thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;
- b) Thực hiện bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo chỉ dẫn và quy định của nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung ứng vật tư, thiết bị công nghệ, thiết bị công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng bị xuống cấp, do không thực hiện quy trình bảo trì công trình theo quy định;
- d) Báo cáo định kỳ về công tác bảo trì và tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp.

2. UBND cấp huyện chủ trì phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 13. Nguyên tắc cải tạo, di chuyển, sắp xếp, hạ ngầm đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi

1. Việc cải tạo, di chuyển, sắp xếp và hạ ngầm các đường ống, đường dây, cáp nổi trên đường phố phải tuân thủ quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch chuyên ngành; phù hợp kế hoạch hạ ngầm và hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sự kết nối với hệ thống đường ống, đường dây, đường cáp chung của đô thị; đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và mỹ quan đô thị.

2. Khi thực hiện cải tạo, sắp xếp, hạ ngầm các đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi phải gắn thẻ nhựa hoặc biển nhựa ghi tên của đơn vị quản lý đường dây, đường cáp ở vị trí dễ nhận biết để thuận tiện cho việc quản lý, vận hành.

Điều 14. Tổ chức cải tạo, di chuyển, sắp xếp, hạ ngầm đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi

1. Đối với các tuyến đường, phố đã xây dựng, các đô thị cũ, đô thị cải tạo từng bước hạ ngầm đường dây, đường cáp nổi bằng nguồn vốn ngân sách hoặc kêu gọi xã hội hóa đầu tư.

2. Cơ quan quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật khảo sát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch hạ ngầm đường dây, đường cáp nổi; đề xuất cải tạo, di chuyển, sắp xếp vị trí, hướng tuyến các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Các tổ chức, cá nhân sở hữu, khai thác, sử dụng đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi trên địa bàn tỉnh căn cứ vào quy hoạch đã được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo ngầm hóa các công trình; đồng thời có trách nhiệm phối hợp, tham gia và đóng góp kinh phí để thực hiện việc hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp đi nổi của mình quản lý theo quy hoạch và theo quy định này.

4. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm phối hợp cùng chủ sở hữu của hệ thống đường ống, đường dây, đường cáp đi nổi tiến hành thu hồi các cột, đường dây, cáp đi nổi không sử dụng. Cơ quan quản lý về xây dựng tại địa phương có trách nhiệm kiểm tra việc thu hồi này.

Chương III

QUẢN LÝ SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 15. Các quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Thực hiện đúng quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Bộ trưởng Bộ Công Thương - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 16. Cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Dữ liệu về quy hoạch xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm các đồ án quy hoạch xây dựng hoặc các đồ án quy hoạch công trình hạ tầng kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dữ liệu về hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm các loại bản vẽ hiện trạng và bản vẽ hoàn công xây dựng của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được lập cho một khu vực của đô thị hoặc toàn đô thị trong đó thể hiện loại công trình, quy mô, vị trí, kích thước và hệ thống đấu nối kỹ thuật của các công trình.

3. Các dữ liệu có liên quan về quản lý xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung:

a) Thông tin về cấp và loại công trình, quy mô và tính chất công trình, thời gian hoàn thành công trình và tình trạng sử dụng;

b) Thông tin về tên, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của chủ sở hữu công trình;

c) Thông tin về tên, địa chỉ và điện thoại liên hệ các đơn vị quản lý, vận hành và đơn vị sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

4. Dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do các tổ chức, cá nhân cung cấp cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu (Sở Xây dựng, Ban quản lý các Khu công nghiệp, Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, thành phố) là các bản vẽ, thuyết minh và dữ liệu đã được số hóa.

Điều 17. Trách nhiệm quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Trách nhiệm quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung của các sở, ngành cũng như tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng các công trình nói trên được áp dụng theo các quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 24 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Phương pháp xác định giá, cơ chế và nguyên tắc kiểm soát giá công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Việc thực hiện xác định giá, cơ chế và nguyên tắc kiểm soát giá thuê sử dụng chung, chi phí quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin truyền thông.

Điều 19. Hợp đồng sử dụng chung, hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

Hợp đồng sử dụng chung, hợp đồng quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ và Thông tư số 03/2013/TT-BXD ngày 02/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG

Điều 20. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Thực hiện quản lý nhà nước về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

b) Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định hiện hành của Chính phủ về cấp phép xây dựng;

c) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị; báo cáo tình hình quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật về UBND tỉnh, Bộ Xây dựng theo quy định;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý và đề nghị xử lý theo thẩm quyền các vi phạm về quản lý, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh;

đ) Tiếp nhận thông tin phản ánh về các trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không đúng quy định, không đảm bảo an toàn; các sự cố về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để kịp thời phối hợp với các đơn vị có liên quan khắc phục và xử lý theo quy định;

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh kế hoạch phân bổ vốn để xây dựng mới công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; kinh phí cải tạo, sắp xếp lại các công trình đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

b) Đề xuất ưu đãi đầu tư cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để cho thuê.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước trình UBND tỉnh quyết định để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan tổ chức hiệp thương giá theo quy định pháp luật về quản lý giá trong trường hợp tổ chức, cá nhân cho thuê (công trình đầu tư vốn ngoài ngân sách Nhà nước) và tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng không thỏa thuận được giá thuê.

4. Công an tỉnh chỉ đạo các lực lượng phối hợp với thanh tra Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan xử lý kịp thời các vi phạm về quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định.

5. Sở Giao thông vận tải

a) Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến lộ giới, hành lang bảo vệ đường bộ cho các chủ đầu tư, địa phương liên quan làm căn cứ cho việc xác định tuyến tạo đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung dọc các tuyến đường bộ do ngành quản lý.

b) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các công trình phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên các công trình biết, phối hợp di dời.

c) Xem xét thỏa thuận và cấp phép thi công trên các công trình giao thông đường bộ liên quan phục vụ cho hoạt động xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong phạm vi dành cho công trình giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra việc tuân thủ của các Chủ đầu tư, đơn vị thi công xây dựng hệ thống công trình đường dây, đường cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh, đảm bảo theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành Bưu chính viễn thông.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các chủ sở hữu, quản lý viễn thông, truyền hình cáp, thông tin liên lạc thực hiện đúng các quy định về sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh.

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Sở Công Thương

a) Thực hiện thỏa thuận đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các cụm công nghiệp do mình quản lý với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung ngoài hàng rào theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra trong việc quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống các công trình đường dây tải điện trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về chuyên ngành.

c) Phối hợp với Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình để vận động các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hệ thống cột điện lực cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện lực để lắp đặt cáp, dây thuê bao và các thiết bị.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xem xét thỏa thuận đầu nối công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với hệ thống công trình thủy lợi do Sở quản lý; xem xét, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định;

b) Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên các công trình biết, phối hợp di dời.

9. Ban Quản lý các Khu công nghiệp thực hiện thỏa thuận đầu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp do mình quản lý với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung ngoài hàng rào theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát, quản lý cơ sở dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn, cung cấp dữ liệu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Cung cấp thông tin và các tài liệu có liên quan đến hiện trạng, quy hoạch, lộ giới, hành lang an toàn công trình giao thông đường đô thị do đơn vị mình quản lý cho các tổ chức, cá nhân liên quan làm căn cứ cho việc lập, thỏa thuận và cấp phép xây dựng theo quy định.

3. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

4. Cấp giấy phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thuộc địa giới hành chính do mình quản lý theo quy định của Chính phủ về cấp phép xây dựng.

5. Đề xuất và bố trí kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm sử dụng chung và cải tạo, sắp xếp các đường dây đi nổi.

6. Xây dựng kế hoạch kiểm tra và phối hợp kiểm tra các hoạt động xây dựng, khai thác, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

7. Thỏa thuận, cấp phép, gia hạn và thu hồi giấy phép xây dựng, giấy phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo phân cấp.

8. Chỉ đạo UBND cấp xã và các đơn vị trực thuộc thực hiện quy định này theo chức năng nhiệm vụ được giao.

9. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan khảo sát và đề xuất danh mục các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cần phải xây dựng, sửa chữa, nâng cấp và lộ trình các tuyến đường phải ngầm hóa công trình hạ tầng kỹ thuật đi nổi.

10. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan đề xuất phương án xã hội hóa và việc dùng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng.

11. Tổ chức kiểm tra, tổng hợp, báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh, Sở Xây dựng về hiện trạng và tình hình quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn mình quản lý.

Điều 22. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; phải được cấp có thẩm quyền cấp phép và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định khác có liên quan.

2. Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi tổ chức lập quy hoạch, thiết kế và thi công xây dựng các công trình nêu trên thực hiện việc bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo Quy định này và các quy định liên quan khác; gắn kết đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật của các khu vực lân cận theo hướng hiện đại, phát triển lâu dài và đảm bảo mỹ quan.

3. Chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi đưa vào khai thác sử dụng, phải thực hiện duy tu, bảo trì các công trình theo quy định, đảm bảo an toàn khi vận hành, mỹ quan và vệ sinh môi trường.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ sở hữu, đơn vị quản lý vận hành và tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật được quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 72/2012/NĐ-CP.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Quy định về chuyển tiếp

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã được phê duyệt và đang thi công trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã được phê duyệt. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã được phê duyệt trước thời điểm Quy định này ban hành nhưng chưa tổ chức thi công thì thực hiện điều chỉnh theo quy định này.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn thực hiện tốt Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh cần bổ sung, điều chỉnh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng nghiên cứu, xem xét tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp./.